

# HOA KỲ, ANH VÀ BẮC MỸ THUỘC ANH TỪ HÒA BÌNH ĐẾN CHIẾN TRANH: LỊCH SỬ CUỘC CHIẾN TRANH 1812

Nguyễn Văn Sang<sup>\*</sup>  
Nguyễn Thị Kim Tiến<sup>\*\*</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích quan hệ giữa Hoa Kỳ, Anh và Bắc Mỹ thuộc Anh trong cuộc chiến tranh từ 1812 đến 1814. Nghiên cứu này dựa trên nguồn tư liệu gốc là các thư tín, văn bản ngoại giao, đạo luật, hiệp ước giữa hai nước trong thời gian diễn ra cuộc chiến và các chuyên khảo khác. Bài báo tập trung vào ba vấn đề cơ bản: nguyên nhân Hoa Kỳ, Anh, Bắc Mỹ thuộc Anh từ hòa bình đi đến chiến tranh năm 1812; tiến trình cơ bản của cuộc chiến tranh; quá trình thiết lập hòa bình và hệ quả lịch sử từ cuộc chiến đối với các bên. Nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ lịch sử cuộc chiến tranh 1812 và quan hệ Anh-Mỹ từ sau chiến tranh giành độc lập.

**Từ khóa:** chiến tranh, Anh, Hoa Kỳ, cưỡng bách tòng quân, Canada

**Abstract:** The paper analyzes the relations between the United States, Great Britain and the British North America in the war from 1812 to 1814. The analysis of this study is based on the original sources of correspondences, diplomatic documents, laws, agreements related to the two countries during the war and other monographs. The article focus on three main issues: the cause of the United States, Great Britain and the British North America from peace to war; basic process of the war of 1812; the process of establishing peace and historical consequences from this war on the parties. This study contributes to clarify on the history of the war of 1812 and the British-American relations since the independence war.

**Keywords:** the war, Great Britain, the United States, impressment, Canada

Kể từ sau chiến tranh giành độc lập của Hoa Kỳ, gần 30 năm sau giữa Anh và Hoa

Kỳ bắt đầu một cuộc chiến tranh mới là Chiến tranh Anh-Mỹ, còn gọi là Chiến tranh năm 1812, Chiến tranh độc lập lần thứ hai hay Chiến tranh Madison (Mr. Madison War)<sup>1</sup>. Đây là cuộc chiến tranh giữa Hoa Kỳ

<sup>\*</sup>Ths, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

<sup>\*\*</sup>Trường Đại học Duy Tân

Nhận bài ngày: 18/4/2019  
Phản biện xong 10/6/2019  
Chấp nhận đăng 5/7/2019

<sup>1</sup> D.R. Hickey, *The War of 1812: Writings from America's Second War of Independence*, New York, 2013.

với Anh và các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ<sup>2</sup>. So với chiến tranh giành độc lập, chiến tranh 1812 không kéo dài nhưng nó tác động lớn đến sự phát triển của nước Mỹ và quan hệ giữa người Mỹ với người Indian.

### 1. Con đường từ hòa bình đến chiến tranh

Cuộc chiến tranh bắt đầu với sự tuyên chiến từ phía Hoa Kỳ bởi nhiều nguyên nhân.

#### *Quyền trung lập và cảng thẳng về thương mại*

Vào đầu thế kỷ XIX, Hoa Kỳ là một quốc gia non trẻ, đóng vai trò là người vận chuyển của thế giới trong thời gian các nước châu Âu tham gia vào chiến tranh Napoleon<sup>3</sup>. Nguồn thu nhập của Hoa Kỳ chủ yếu thông qua buôn bán với nước khác<sup>4</sup>, đặc biệt là nước Anh<sup>5</sup>. Tuy nhiên, người Anh coi đó là nguy cơ đối với uy thế tuyệt đối hàng hải trên biển của họ<sup>6</sup>.

Kể từ khi lập quốc, Hoa Kỳ tuyên bố theo đuổi chính sách trung lập<sup>7</sup>. Mặc dù vậy, trên thực tế Anh không muốn Hoa Kỳ trao đổi thương mại với Pháp. Tháng 6/1793, Chính phủ Anh đã ban hành sắc lệnh tuyên bố rằng, tất cả tàu đến bất kỳ các cảng của Pháp hoặc những nơi do Pháp chiếm đóng phải được đưa đến Anh. Hàng hóa của họ sẽ bán ở đó hoặc bán cho quốc gia thân thiện với Anh<sup>8</sup>. Tiếp đó, sắc lệnh hội đồng ngày 16/5/1806 tuyên bố, toàn bộ bờ biển phía Tây của châu Âu từ Brest đến Elbe đều bị khóa. Người Mỹ cho rằng sắc lệnh này hạn chế quyền trung lập của họ<sup>9</sup>. Trước hành động của Anh, ngày 7/1/1807, chính quyền đảng Whig đã ban hành sắc lệnh hội đồng cấm các tàu trung lập buôn bán với các bên của kẻ thù. Đây được coi là một động thái trả thù đối với hành động của Anh<sup>10</sup>. Khi xảy ra sự cố Chesapeake-Leopard, Thomas Jefferson đã ban hành Luật Cấm vận (Embargo Act) vào tháng 3/1807 gây gián đoạn hoạt động thương mại của Hoa Kỳ với bên ngoài. Về phía Anh, sắc lệnh hội đồng lần thứ 6 ngày 11/11/1807 đã hạn chế thương mại của các tàu trung lập với các thuộc địa của Pháp. Do đó, các tàu chiến của Anh bắt

<sup>2</sup> Lực lượng của Anh chủ yếu là Anh và các thuộc địa Anh tại Bắc Mỹ như là Thượng Canada (Ontario), Hạ Canada (Québec), New Brunswick, Newfoundland, Nova Scotia, Đảo Hoàng tử Edward, Đảo Cape Breton và Bermuda.

<sup>3</sup> D.S. Heidler, J.T. Heidler, *The War of 1812*, Connecticut 2002, pp. 1-2.

<sup>4</sup> Từ năm 1803 đến năm 1807, ngoại thương của Mỹ tăng gấp 7 lần từ 13,6 triệu USD lên đến 107 triệu USD. M. Greenblatt, J.S. Bowman, *War of 1812*, New York 2003, p. 24.

<sup>5</sup> Xuất khẩu hàng nội địa của Anh đến Hoa Kỳ năm 1805 là 30,5% và năm 1807 là 33,4% tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ. R. Horsman, *The Causes of the War of 1812*, Wisconsin 1961, p. 42.

<sup>6</sup> R. Horsman, *op.cit.*, p. 261.

<sup>7</sup> *The Proclamation of Neutrality 1793*, [http://avalon.law.yale.edu/18th\\_century/neutra93.asp](http://avalon.law.yale.edu/18th_century/neutra93.asp), truy cập ngày 11/11/2018.

<sup>8</sup> J. Hannay, *History of the War of 1812 between Great Britain and the United States of America*, Toronto 1905, p. 3.

<sup>9</sup> M. Fanis, *Secular Morality and International Security: American and British Decisions about War*, Michigan 2011, p. 49.

<sup>10</sup> R. Horsman, *op.cit.*, p. 55-56.

giữ tất cả tàu và hàng hóa sẽ đi vào các cảng do Napoleon kiểm soát nhằm xem xét tính pháp lý. Hầu hết các tàu này đều đến từ Hoa Kỳ. Đó là lý do người Mỹ cho rằng, nước Anh đã can thiệp vào thương mại sinh lời<sup>11</sup> khiến họ không thể kiếm được tiền từ việc bán hàng hóa cho nước Pháp<sup>12</sup> Với những sắc lệnh trên, từ tháng 3 đến tháng 12/1807, quan hệ Anh - Mỹ bế tắc không lối thoát, người Mỹ hoặc là phục tùng hoặc là chiến tranh<sup>13</sup>.

#### *Cưỡng bách tòng quân (impressment) và danh dự của quốc gia*

Người Mỹ tức giận bởi những hạn chế thương mại của Anh nhưng họ cảm thấy xúc phạm hơn bởi chính sách cưỡng bách tòng quân. Anh thường xuyên dừng các tàu Mỹ và bắt ép thủy thủ Mỹ lên tàu và tham gia vào Hải quân Hoàng gia<sup>14</sup> Trong cuộc chiến tranh trên biển với Pháp, nước Anh có nhu cầu rất lớn về thủy thủ. Vào lúc này, Hải quân Anh có 175 tàu chiến, 600 tàu thủy với nhu cầu lên đến 140.000 thủy thủ<sup>15</sup>. Những thủy thủ bị Anh bắt được trả rất ít tiền và phải làm việc cực nhọc do đó chán nản với chế độ làm việc trên tàu Anh. 1/4 trong số họ

đã bỏ trốn khỏi tàu trong thời gian chiến tranh Napoleon. Nhiều người đã tìm kiếm việc làm trên các tàu của Mỹ. Ở đây họ được đối xử và được trả tiền tốt hơn. Hơn nữa, người Mỹ cũng muốn lực lượng thủy thủ đào ngũ tham gia vào Hải quân Hoa Kỳ<sup>16</sup>. Tổng số lượng thủy thủ Anh cưỡng bách tòng quân từ tàu của Mỹ là rất lớn, ước tính khoảng 6.257 thủy thủ vào năm 1812<sup>17</sup>.

Sự kiện đáng chú ý nhất liên quan đến cưỡng bách tòng quân là sự cố Chesapeake-Leopard. Ngày 22/6/1807, tàu Hải quân Hoa Kỳ là Chesapeake khởi hành từ Norfolk, Virginia<sup>18</sup> đến Địa Trung Hải để ngăn chặn cướp biển Barbary bắt giữ các tàu buôn, nô lệ và thủy thủ đoàn của họ<sup>19</sup>. Đột nhiên, thủy thủ đoàn nhìn thấy một tàu của Anh đuổi

<sup>16</sup> Vào những năm 1800, do sự phát triển mạnh của thương mại trên biển và đội tàu biển, Hoa Kỳ muốn đào tạo cho các thủy thủ. Họ phải thuê các thủy thủ Anh, vì thế họ sẽ cho phép những người đào ngũ từ lực lượng Hải quân Hoàng gia tham gia vào hải quân Hoa Kỳ. D. Childress, *The War of 1812*, Minneapolis 2004, p. 7.

<sup>17</sup> William Dudley dự đoán có khoảng 9.991 thủy thủ người Mỹ bị cưỡng bách tòng quân từ năm 1796 đến ngày 1 tháng 1 năm 1812. See B. Arthur, *How Britain Won the War of 1812: The Royal Navy's Blockades of the United States, 1812-1815*, New York 2011, p. 20.

<sup>18</sup> USS Chesapeake được đóng theo đề xuất của Hạ viện và Luật Hải quân năm 1794. Nó được đưa vào sử dụng từ ngày 2 tháng 12 năm 1799. *Chesapeake I (Frigate)*, <https://www.history.navy.mil/research/histories/shp-histories/danfs/c/chesapeake-i.htm>, truy cập ngày 01/11/2018.

<sup>19</sup> Tàu Chesapeake chở 329 thuyền viên, 52 lính thủy quân lục chiến và một số thường dân. S.C. Tucker, *The Encyclopedia of the Wars of the Early American Republic, 1783-1812: A Political, Social and Military History*, Vol. I A-K, Oxford 2014, p. 90

<sup>11</sup> W.B. Turner, *The War of 1812: The War That Both Sides Won*, Toronto 2000, p. 21.

<sup>12</sup> K. Radomski, *Mr. Madison's War. Causes and Effects of the War of 1812*, New York 2014, p. 9.

<sup>13</sup> R. Horsman, *op.cit.*, p. 59.

<sup>14</sup> L. Sonneborn, *The War of 1812: A Primary Source History of America's Second War with Britain*, New York 2004, p. 11.

<sup>15</sup> L.W. Toll, *op.cit.*, New York 2008, p. 382

theo Chesapeake. Tàu HMS Leopard của Anh đã buộc tàu Chesapeake dừng lại<sup>20</sup>. Thuyền trưởng của Leopard, Salisbury Humphreys yêu cầu lên tàu Chesapeake để tìm kiếm những người lính đào ngũ khỏi Hải quân Hoàng gia<sup>21</sup>. Thuyền trưởng Hoa Kỳ James Barron đã từ chối. Người Anh bắt đầu bắn vào tàu Chesapeake. Cuộc tấn công khiến ba người bị giết, 18 người bị thương. Anh đã bắt bốn thủy thủ từ tàu Chesapeake<sup>22</sup>. Sự kiện này đã dẫn đến sự bùng nổ của sự cố Chesapeake-Leopard.

Đối với người Mỹ, sự cố Chesapeake - Leopard là nguồn gốc chủ yếu của tranh chấp giữa Anh và Hoa Kỳ<sup>23</sup>. Do đó, ngay khi tàu Chesapeake trong tình trạng hư hại trở lại

Norfolk, người Mỹ đã phản ứng mạnh mẽ, coi đó như là một sự vi phạm quá mức đối với chủ quyền<sup>24</sup>, xúc phạm đến danh dự của Mỹ<sup>25</sup>. Người Mỹ muốn chiến tranh với Anh để bảo vệ danh dự của họ. Điều này khiến chính quyền Hoa Kỳ phải hành động. Ngoại trưởng Hoa Kỳ James Madison đã gửi công văn đến Đại sứ của Hoa Kỳ tại London yêu cầu Anh phải chấm dứt hành động, trao trả 4 thủy thủ, xóa bỏ chế độ cưỡng bách tòng quân, triệu hồi đô đốc Berkeley, rút quân khỏi lãnh hải Hoa Kỳ<sup>26</sup>. Mặc dù vậy, người Mỹ vẫn muốn tiến hành một cuộc chiến tranh với Anh. Dự luận Hoa Kỳ tỏ ra phần nộ khi trước những thất bại nhục nhã và thiệt hại nặng nề của Hải quân Hoa Kỳ mà không có bất kỳ hành động phản kháng nào từ tàu Chesapeake và nghi ngờ sức mạnh của Hải quân Hoa Kỳ. Barron bị cầm làm việc 5 năm như là một hình phạt để xoa dịu dự luận Hoa Kỳ<sup>27</sup>. Tuy nhiên, Jefferson thay vì tiến hành một biện pháp cứng rắn đã lựa chọn chiến tranh thương mại với Anh thông qua Luật Cấm vận ngày 22/12/1807<sup>28</sup>. Hoa Kỳ cấm

<sup>20</sup> NMS Leopard chính thức ra mắt vào năm 1790. Con tàu từng phục vụ trong chiến tranh cách mạng Pháp, chiến tranh Napoleon. L.P. Paine, *MS Leopard*, [in:] *Warships of the World to 1900*, New York 2000, p. 94.

<sup>21</sup> Trên thực tế, kể từ đầu năm 1807, Leopard đảm nhận nhiệm vụ tìm kiếm các thủy thủ bỏ trốn. Phó Đô đốc Hải quân George Berkeley được phép cử lên tàu để tìm kiếm những thủy thủ này. C.J. Prince, *A Professor, A President, and A Meteor: The Birth of American Science*, New York 2011, p. 132.

<sup>22</sup> Phía Anh đã tìm thấy 4 người nghi ngờ đào ngũ đang ở trên tàu Chesapeake. Các thủy thủ của Hải quân Hoàng gia nhận ra David Martin, John Strachan, William Ware và Jenkin Ratford. Sau khi bị bắt, Humphreys đã chuyển các tù nhân đến Halifax, Nova Scotia để đợi xét xử. C.J. Prince, *op.cit.*, p. 132.

<sup>23</sup> Sự quan tâm của người Mỹ đối với vấn đề cưỡng bách tòng quân được thể hiện rõ qua thông kê báo chí Từ năm 1803 đến năm 1805, các bài báo có cụm từ cưỡng bách tòng quân xuất hiện trên báo chí từ 71 đến 83 lần mỗi năm. Trong năm 1806 và 1807, các bài báo có cụm từ này là 250 lần. Sau sự cố Chesapeake là 738 lần. Ở các năm tiếp theo lần lượt là 464 lần (1810), 664 lần (1811), riêng năm 1812 là 1,798 lần. P.A. Gilje, *Free Trade and Sailors' Rights in the War of 1812*, New York 2013, p. 181

<sup>24</sup> H.L. Coles, *The War of 1812*, Chicago and London 1965, p. 7.

<sup>25</sup> N.K. Risjord, *1812: Conservatives, War Hawks and the Nation's Honor*, "The William and Mary Quarterly" Vol. XVIII, No. 2, 1961, pp. 196-210.

<sup>26</sup> L.W. Toll, *Six Frigates: The Epic History of the Founding of the U.S. Navy*, New York 2006, pp. 301-304.

<sup>27</sup> J.F. Cooper, *History of the navy of the United States of America*, New York 1856, p. 231.

<sup>28</sup> Luật Cấm vận là phản ứng chống lại việc thiếu tôn trọng của Anh và Pháp đối với các tàu trung lập của Mỹ, cấm tàu Hoa Kỳ cập cảng nước ngoài. A.

các tàu buôn bán với các quốc gia châu Âu. Kết quả là nước Mỹ không đạt được mong muốn, thậm chí còn chịu gánh nặng thiệt hại hết sức nặng nề<sup>29</sup>

### *Anh hỗ trợ các cuộc nổi loạn của người da đỏ ở biên giới của Hoa Kỳ*

Vào cuối thế kỷ XVIII, lãnh thổ Hoa Kỳ mở rộng từ phía Tây của Đại Tây Dương đến sông Mississippi. Ngày 13/3/1787, Hoa Kỳ ban hành sắc lệnh Tây Bắc (Northwest Ordinance) về việc mở rộng lãnh thổ phía Tây Bắc của sông Ohio<sup>30</sup>. Sắc lệnh này đã biến Tây Bắc gồm các bang Ohio, Indiana,

Illinois, Michigan và Wisconsin thành khu vực tranh chấp giữa các bộ lạc người da đỏ và Hoa Kỳ<sup>31</sup>. Khi người Mỹ tuyên bố những vùng đất hoang dã cho mục đích hình thành các nông trại đã khiến cho những cư dân bản địa Mỹ tức giận vì họ bị mất đất đai cho việc định cư, săn bắn<sup>32</sup>. Trong bối cảnh đó, Tecumseh<sup>33</sup> cùng với anh trai là Tenskwatava<sup>34</sup> đã kêu gọi khẩn cấp những người India để liên minh chống lại những di dân Mỹ<sup>35</sup>.

Trước mâu thuẫn giữa người Indian và Chính phủ Hoa Kỳ, Anh cho rằng, sự tồn tại của liên minh Indian là lá chắn đối với việc bảo vệ thuộc địa của Anh ở Canada. Hoa Kỳ cũng quan tâm đến lãnh thổ Canada đang do Anh kiểm soát. Điều đó khiến cho Chính phủ Anh lo lắng. Trong khi, người Indian không muốn người Hoa Kỳ chiếm thêm đất của họ. Những lãnh đạo của người Indian phải lựa

Bartmicki, K. Michalek, I. Rusinowa, *Encyklopedia Historii Stanów Zjednoczonych Ameryki. Dzieje polityczne (od Deklaracji Niepodległości do współczesności)*, Warsaw 1992, p. 383.

<sup>29</sup> Tổng thống Thomas Jefferson hi vọng thông qua đạo luật để tiến hành một cuộc chiến tranh thương mại, trừng phạt đối với Anh, Pháp buộc họ phải tôn trọng tính trung lập của Hoa Kỳ, ngừng lệnh cấm bách tông quân. Tuy nhiên, các biện pháp được đưa ra bởi đạo luật không mang tính thực tế như dự kiến. Nền kinh tế Mỹ cũng chịu thiệt hại nặng nề. Xuất khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 108 triệu USD năm 1807 xuống còn 22 triệu USD năm 1808. Trong khi đó, xuất khẩu từ Anh đến Hoa Kỳ trong năm 1808 đến tháng 1 năm 1809 giảm từ 12.097.942 bảng Anh xuống còn 5.302.866 bảng Anh, giảm 58%. Giá trị trao đổi thực tế của hàng hóa Mỹ vào Anh giảm từ 6.531.410 bảng Anh xuống còn 1.751.986 bảng Anh, giảm 73%. Q.R. Skrabec, *The 100 Most Significant Events in American Business: An Encyclopedia*, California 2012, pp 16-18; F.W. Ogunbitan, *Symposium on Epic of Thomas Jefferson: Embargo Act of 1807 & the quest for limited gov. over big gov.*, New York 2014, pp. 12-14.

<sup>30</sup> Sắc lệnh Tây Bắc dựa trên một phần kế hoạch của Jefferson năm 1784 và một phần trong báo cáo hội đồng ngày 19 tháng 9 năm 1786. Sắc lệnh này phần lớn được viết bởi Nathan Dane bao gồm 6 nội dung cơ bản. R.I. Morris, *Northwest Ordinance*, [in:] *Encyclopaedia of American History*, 6th ed., New York, 1982, p. 139.

<sup>31</sup> Sau sắc lệnh Tây Bắc, hàng ngàn người di cư đến khu vực này mỗi năm. Năm 1810, dân số Ohio tăng lên đến hơn 230.000 người và Kentucky là khoảng 400.000 người. W.B. Turner, *op.cit.*, p. 18.

<sup>32</sup> D. Childress, *The War of 1812: Chronicle of American Wars*, Minneapolis 2004, p. 9.

<sup>33</sup> Tecumseh (1768-1813) là một chiến binh, lãnh đạo của Indian Shawnee và liên minh bộ lạc Indian chống lại Hoa Kỳ trong chiến tranh 1812. S.B. Aller, *Tecumseh*, Minneapolis 2004.

<sup>34</sup> Tenskwatava (1775-1836) là một nhà tiên tri và chính trị đầu thế kỷ XIX ở khu vực thung lũng Ohio - Ngũ Đại Hồ. S.C. Tucker, *The Encyclopedia of North American Indian Wars, 1607-1890: A Political, Social and Military History*, Vol. I: Z-L, California 2011, p. 786.

<sup>35</sup> T.D. Willig, *Restoring the Chain of Friendship: British Policy and the Indians of the Great Lakes, 1783-1815*, London 2008, p. 207.

chọn giữa trung thành với Hoa Kỳ hay là đứng về phía Anh. Họ tin rằng, người Anh có nhiều khả năng hơn để giúp họ giữ đất đai. Tecumseh quyết định nhờ sự giúp đỡ của Anh. Mùa xuân năm 1812, Tecumseh đã cùng với những chiến binh đến Fort Malden ở Thượng Canada (Upper Canada) để tìm kiếm đồng minh với Anh. Sau trận chiến Tippecanoe, người Mỹ tin rằng Anh đã khuyến khích bộ lạc Shawnee chống lại người Mỹ. Các lãnh đạo Hoa Kỳ bị thuyết phục rằng, sự hiện diện của Anh ở Canada đưa đến sự sợ hãi nghiêm trọng đối với di dân Mỹ ở miền Tây của Ngũ Đại Hồ (Great Lakes). Trong những tháng tiếp theo, họ sử dụng quan điểm này như là một lý do khác để Hoa Kỳ tuyên bố chiến tranh với Anh<sup>36</sup>.

## 2. Chiến tranh và tiến trình của cuộc chiến

Ngày 1/6/1812, Tổng thống James Madison đã gửi một thông điệp<sup>37</sup> và kêu gọi Quốc hội bỏ phiếu cho chiến tranh<sup>38</sup>. Ngày 4/6/1812, Hạ viện đã thảo luận trước khi bỏ phiếu thông qua việc tuyên bố chiến tranh với 79 phiếu thuận so với 49 phiếu chống<sup>39</sup>.

<sup>36</sup> K. Marsio, *The War of 1812*, Minnesota 2010, pp. 23-24.

<sup>37</sup> *Presidential Documents: The Speeches, Proclamations, and Policies that Have Shaped the Nation from Washington to Clinton*, ed. by F.L. Israel, J.F. Watts, New York and London 2000, pp. 44-47.

<sup>38</sup> D. Childress, *op.cit.*, p. 11.

<sup>39</sup> *Bang New York*, New Jersey, New England bỏ phiếu với 17 phiếu thuận, 35 phiếu chống. Các bang còn lại là 62 phiếu ủng hộ chiến tranh, 14 phiếu phản

Tiếp đó, ngày 17/6, Thượng viện đã bỏ phiếu với tỉ lệ 19:13<sup>40</sup>. Dưới áp lực của nhóm War Hawks, ngày 18/6/1812, Tổng thống James Madison đã ký tuyên bố chiến tranh<sup>41</sup>.

Người Mỹ tò ra hết sức lạc quan về cuộc chiến. Chính quyền Mỹ lên kế hoạch đánh chiếm Canada vì cho rằng Canada là dễ xâm chiếm nhất<sup>42</sup>. Thậm chí, Tổng thống Madison cũng tuyên bố tin tưởng Henry Clay của Kentucky rằng, chi lực lượng dân quân của Kentucky có thể đủ khả năng đặt Montreal và Thượng Canada dưới chân của họ<sup>43</sup>. Jefferson trong thư gửi William Duane ngày 4/8/1812 khẳng định, việc tiến vào Canada là hết sức dễ dàng<sup>44</sup>. Tương quan lực

đổi chiến tranh. L. Pastusiak, *Prezydenci Stanów Zjednoczonych Ameryki*, Warsaw 2002, p. 112.

<sup>40</sup> Các bang miền Nam và thung lũng Mississippi ủng hộ rất lớn, các bang trung tâm và miền Bắc ngoại trừ Pennsylvania, Vermont và New Hampshire phản đối. R. Malcomson, *The A to Z of the War of 1812*, Maryland 2006, p. 140

<sup>41</sup> War Hawks bao gồm những người miền Nam và miền Tây trẻ tuổi được bầu vào Quốc hội Hoa Kỳ năm 1810. Họ có tham vọng mở rộng lãnh thổ ở Tây Bắc và Florida và hy vọng sẽ sử dụng chiến tranh với Anh để giành Florida từ Tây Ban Nha, đồng minh của Anh. *War Hawks*, <https://www.britannica.com/topic/War-Hawk>, truy cập ngày 05/11/2018, J.C.A. Stagg, *James Madison and the "Malcontents": The Political Origins of the War of 1812*, "The William and Mary Quarterly". Vol. XXXIII, No. 4, 1976, pp. 557-585.

<sup>42</sup> H. Murray, *An Historical and Descriptive Account of British America: Comprehending Canada Upper and Lower, Nova Scotia, New Brunswick, Newfoundland, Prince Edward Island, the Bermudas and the Fur Countries*, London 1839, p. 185.

<sup>43</sup> J. Ramage, *A.S. Watkins, Kentucky Rising: Democracy, Slavery, and Culture from the Early Republic to the Civil War*, Kentucky 2011, p. 100.

<sup>44</sup> *Letter of Thomas Jefferson to William Duane*, 4 August 1812,

lượng giữa Hoa Kỳ và Canada cũng như số lượng đông đảo người Mỹ ở Canada là lý do cho sự tự tin này<sup>45</sup>. Tương tự, Anh cũng không chuẩn bị cho cuộc chiến. Tính đến tháng 6/1812 có khoảng 9.777 người da đỏ và dân quân Canada tham gia lực lượng Anh. Tuy nhiên, họ là lực lượng không chuyên nghiệp và thiếu kinh nghiệm chiến đấu<sup>46</sup>.

Chiến tranh được tiến hành chủ yếu trên ba mặt trận: biên giới giữa Hoa Kỳ và Canada; Đại Tây Dương và Ngũ Đại Hồ. Khi chiến tranh bùng nổ, nước Anh đang tham gia chiến tranh Napoleon. Vào thời điểm này, đại bộ phận lực lượng Anh tập trung chủ yếu ở Tây Ban Nha, còn Hải quân Hoàng gia tham gia vào việc phong tỏa hầu hết đường bờ biển châu Âu. Do bận ở chiến trường châu Âu, lực lượng của Anh ở chiến trường Bắc Mỹ rất ít, bao gồm một bộ phận quân

chính quy ở Canada và dân quân địa phương. Nội bộ lãnh đạo Anh có sự chia rẽ. Kết quả là, với lực lượng hạn chế, George Prevost được chỉ đạo duy trì chính sách phòng thủ, dựa vào Thượng Canada để bảo vệ Hạ Canada<sup>47</sup>. Vì không có sự chuẩn bị chu đáo cho chiến tranh nên tháng 1/1813, Quốc hội Hoa Kỳ đã bỏ phiếu cho phép mở rộng lực lượng lục quân. Đến tháng 6/1813, lực lượng lục quân của Hoa Kỳ lên đến 36.700 người<sup>48</sup>.

Ở mặt trận Canada, chính quyền Hoa Kỳ lựa chọn tấn công trên ba hướng: Montreal, Canada dọc theo hồ Champlain ở New York dưới sự chỉ huy của tướng Henry Dearborn; dọc sông Niagara Peninsula nơi mà ngày nay là Ontario, Canada dưới sự chỉ huy của Stephen Van Rensselaer; Upper Canada ngày nay là gần Detroit, Michigan của Hoa Kỳ được chỉ huy bởi William Hull<sup>49</sup>. Ngày 12/7/1812, Tướng Hull dẫn khoảng 2.000 quân từ Ohio tới Detroit để xâm chiếm thành phố Sandwich của Canada<sup>50</sup>. Đến tháng 8, lực lượng của Hull

<https://founders.archives.gov/documents/Jefferson/03-05-02-0231>, truy cập ngày 01/11/2018; R.F. Hamilton, *President McKinley, War and Empire. President McKinley and America's New Empire*, Vol. II, New Brunswick and London 2007, p. 5.

<sup>45</sup> Hầu hết những người của Đảng Cộng hòa cho rằng Canada là mục tiêu phù hợp bởi sự yếu kém của Canada so với Hoa Kỳ. Không tính người da đỏ, có khoảng 750.000 người đang sống ở Hoa Kỳ năm 1812 so sánh với 500.000 người ở Canada. Hoa Kỳ có khoảng 12.000 lính chính quy, trong khi Canada khoảng 7.000. Trong khi đó, ở Thượng Canada và phía Bắc của sông Lawrence, 2/3 là cư dân có nguồn gốc Pháp vì vậy họ chắc chắn không trung thành. Trong khi đó, ở Thượng Canada và phía Bắc của Ngũ Đại Hồ có 1/3 cư dân là người Mỹ hoặc có dòng dõi là người Mỹ. D.R. Hickey, *The War of 1812: A Forgotten Conflict*, Illinois and Chicago 1944, pp. 72-73.

<sup>46</sup> J. Black, *The War of 1812 in the Age of Napoleon*, Oklahoma 2009, p. 47.

<sup>47</sup> J. Black, *The War of 1812 in the Age of Napoleon*, Oklahoma 2009, p. 61.

<sup>48</sup> Kể từ tháng 3/1813, Hoa Kỳ bắt đầu thực hiện việc tuyển dụng thêm lực lượng cho lục quân. Tuy nhiên, sau 3 tháng tuyển dụng gần như không hiệu quả. Tháng 2/1813, Quốc hội chấp nhận 35.000 tình nguyện viên cho việc phục vụ 1 năm. Đến tháng 4/1813, Quốc hội triệu hồi thêm 100.000 dân quân từ các bang. H. Adams, *The War of 1812*, p. 3.

<sup>49</sup> K. Marsico, *The War of 1812*, Minnesota 1980, p. 37; A. Bartkowiec, H. Jankowska, J. Ruszkowski, *Historia Stanów Zjednoczonych*, Poznań 2002, p. 340.  
<sup>50</sup> A.M. Todd, *The War of 1812*, Minnesota 2001, p. 23.

đã tăng lên 2.500 người với sự bổ sung của 500 người Canada đã rút về Detroit. Ngày 16/8/1812, tại Detroit, Hull đã đầu hàng lực lượng của Anh dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng Anh Isaac Brock và thủ lĩnh người da đỏ Tecumseh<sup>51</sup>. Theo điều 1 và 5 của thỏa thuận đầu hàng, Hoa Kỳ mất quyền sở hữu đối với Detroit và quyền kiểm soát vùng lãnh thổ Michigan<sup>52</sup>. Sau trận chiến này, người Anh vẫn hi vọng về sự đình chiến và đàm phán cho hòa bình với Hoa Kỳ. Bởi trên thực tế, Brock tiếp tục duy trì sự phòng thủ. Trong

khi đó, Hoa Kỳ tăng cường lực lượng ở biên giới Niagara để tiến hành cuộc xâm chiếm Canada lần thứ hai. Quân đội Hoa Kỳ vào sáng sớm ngày 13/10 đã tấn công khiến cho lực lượng của Anh bất ngờ và Brock đã bị chết vì trúng đạn tại Queenston Heights<sup>53</sup>. Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn thất bại trong trận chiến này.

Sau những thất bại đầu tiên, William Eustis bị mất chức Bộ trưởng Chiến tranh thay vào đó là John Armstrong. Bộ trưởng mới chủ trương mở cuộc tấn công Canada lần thứ hai ở ba mặt trận<sup>54</sup>. Các lực lượng trung tâm và phía Đông tấn công tại Niagara và Montreal. Ở phía Tây, lực lượng Hoa Kỳ tấn công khu vực Detroit và hồ Erie. Kết quả là vào tháng 10/1813 người Mỹ đã lấy lại được Detroit và kiểm soát hồ Erie<sup>55</sup>. Chiến

<sup>51</sup> Trước khi tấn công pháo đài, Brock đã gửi cho Hull một thông điệp yêu cầu Hull đầu hàng để tránh một cuộc thảm sát. Hull đã đầu hàng toàn bộ pháo đài, thị trấn, khu đồn trú và toàn bộ lãnh thổ Michigan. Brock đã tha cho 1.600 lính phòng vệ của Ohio. Hệ thống tạm tha cho phép họ trở về quê hương nếu họ hứa sẽ không chiến đấu trở lại cho đến khi họ được trao đổi với một số lượng tương tự lính người Anh đã bị bắt. Những người còn lại của quân đội Hull bị bắt và giam cầm ở Montreal. Hull sau đó được cho trở lại Hoa Kỳ. Tại đó, Hull bị tòa án quân sự kết án tử hình. Tuy nhiên, Tổng thống Hoa Kỳ xem xét tuổi tác và sự phục vụ của ông trong chiến tranh độc lập nên bỏ tội chết Hull đã phải giải ngũ. R.J. Dale, *The Invasion of Canada: Battles of the War of 1812*, Toronto 2001, pp. 27-28. J.K. Mulhall, *The War of 1812*, New York 2005, p. 15.

<sup>52</sup> Đại diện của Mỹ tại thỏa thuận đầu hàng gồm General Hull, Colonel E. Brush, Colonel James Miller Các đại diện của Anh gồm Colonel McDonald và Major Glegg. Thỏa thuận đầu hàng gồm 5 điều khoản về tù nhân chiến tranh, tài sản, lực lượng dân quân Ohio và sở hữu Fort Detroit. Điều 1 quy định, pháo đài Detroit với tất cả lượng lương, quân đội cũng như dân quân sẽ lập tức đầu hàng lực lượng Anh dưới sự chỉ huy của Tướng Brock và sẽ được xem là tù binh chiến tranh, ngoại trừ lực lượng dân quân Michigan chưa tham gia. Điều 5 quy định, quân đồn trú sẽ rút đi lúc 12 giờ ngày này và lực lượng của Anh ngày lập tức chiếm đóng pháo đài. B. Hanawing, *The War of 1812: A Complete Chronology with Biographies of 63 General Officers*, North California 2012, p. 52.

<sup>53</sup> Queenston Heights là trận chiến lớn đầu tiên trong Chiến tranh năm 1812. Trận chiến diễn ra ở gần Queenston của Thượng Canada. Hoa Kỳ thất bại trong cuộc chiến tranh này với 100 chết, 170 bị thương, 835 bị bắt, trong khi Anh và Canada có 21 chết, 85 bị thương, 22 bị bắt. R. Malcomson, *Historical Dictionary of the War of 1812*, Maryland 2006, p. 582.

<sup>54</sup> Chiến dịch năm 1813 còn gọi là kế hoạch đánh chiếm Kingston (cơ sở hải quân của Anh ở hồ Ontario) và hạm đội hải quân của nó, sau đó là New York (một cơ sở hải quân thứ hai) và cuối cùng là pháo đài George và Erie (nơi phòng thủ của lực lượng Anh ở trên sông Niagara). Thực hiện các mục tiêu này thành công sẽ góp phần mở đường cho việc chống lại các mục tiêu phòng thủ khác của Anh và tạo ra hiệu ứng tích cực cho cuộc bầu cử của Hoa Kỳ mùa xuân năm 1813. D.R. Hickey, *op.cit.*, p. 127; C. Benn, *The Froquois in the War of 1812*, Toronto 1953, p. 106.

<sup>55</sup> Ngày 10/10/1813, chỉ huy của tàu Oliver Hazzard Perry với lực lượng 9 tàu đã đánh chìm 6 tàu của hạm đội Anh trên hồ Erie, Michigan. See M. Beyer, *The*



thắng Detroit được coi là chiến thắng quan trọng nhất làm thay đổi cân bằng lực lượng và cho phép Hoa Kỳ lấy lại những gì bị mất năm 1812<sup>56</sup>. Cũng trong tháng 10, dưới sự chỉ huy của tướng William Henry Harrison, Hoa Kỳ có một chiến thắng cực kì quan trọng khi đánh bại lực lượng Anh trên đường rút lui về Niagara được biết đến như là trận chiến sông Thames. Trong trận chiến này, Tecumseh, thủ lĩnh của người da đỏ thiết mạng và liên minh da đỏ tan rã<sup>57</sup>. Kết quả là Hoa Kỳ đã kiểm soát miền Tây Ontario, chấm dứt vĩnh viễn các cuộc đột kích dựa vào các căn cứ ở Canada của người da đỏ để tấn công miền Trung và Tây của Hoa Kỳ<sup>58</sup>.

Ở mặt trận trên biển, lực lượng Hải quân của Anh rất hùng mạnh với hơn 1.000 tàu. Hơn nữa, bởi vì giành thắng lợi trong chiến tranh với Napoleon cho nên Anh có điều kiện tăng cường lực lượng. Họ đã gửi những thủy thủ có kinh nghiệm quân sự và

tàu chiến đến bờ biển nước Mỹ<sup>59</sup>. Với sức mạnh hải quân, Anh đã tiến hành phong tỏa bờ biển, ngăn chặn các tàu nước ngoài đi vào cảng của Hoa Kỳ nhằm mục đích phá hoại kinh tế. Kết quả là các thủy thủ, các tầng lớp người dân và chính phủ đều gần hết tiền. Anh lúc này cũng có kế hoạch tấn công vào đất liền của lãnh thổ Hoa Kỳ. Điều đó sẽ gây áp lực cho Tổng thống Madison và Quốc hội Hoa Kỳ để đề xuất giải pháp cho vấn đề hòa bình<sup>60</sup>. Thực hiện kế hoạch, ngày 24/8/1814, lực lượng của Anh với 4.000 người do Thiếu tướng Robert Ross chỉ huy đã từ Chesapeake tiến vào Washington. Madison và chính phủ đã phải chạy đến Virginia. Người Anh đã tấn công vào thủ đô và đốt cháy Nhà Trắng, the Capitol và các toà nhà khác của chính phủ<sup>61</sup>. May thay, mưa bão đã bảo vệ Washington không bị cháy toàn bộ. Sự kiện này đã dẫn đến việc Armstrong bị mất chức Bộ trưởng Chiến tranh.

Ở mục tiêu thứ hai, lực lượng của Anh ở Washington đã di chuyển đến đánh chiếm Baltimore, Maryland từ ngày 12-14/9/1814.

*War of 1812: The New American Nation Goes to War with England*, New York 2003, pp. 15-16.

<sup>56</sup> Sau chiến thắng Detroit, Quốc hội Hoa Kỳ đã thưởng cho Perry và những người chỉ huy của ông số tiền 260.000 USD, trong đó Perry nhận 12.140 USD, Chauncey 12.750 USD, Elliott 7.140 USD và những người khác được nhận khoảng từ 215 USD đến 2.295 USD. D.R. Hickey, *op.cit.*, pp. 133-135.

<sup>57</sup> Trong trận chiến này, lực lượng Anh có khoảng 18 người chết, 25 bị thương, 600 bị bắt. Đồng minh người da đỏ thiệt hại 33 người và Tecumseh. Trong khi đó, lực lượng Hoa Kỳ thiệt hại 7 người, bị thương 22 người. R. Klosowicz, *Wojna amerykańsko-brytyjska, 1812-1814*, Cracow 2003, pp. 134-137.

<sup>58</sup> S.D. Heidler, J.T. Heidler, *Encyclopedia of the War of 1812*, Virginia 2004, pp. 505-511.

<sup>59</sup> M. Beyer, *op.cit.*, pp. 16-17.

<sup>60</sup> Phó Đô đốc Hải quân Alexander Cochrane của Anh kế hoạch giao cho George Cockburn và Đại tá Robert Ross thực hiện chiến dịch với hai mục tiêu chủ yếu: 1) tấn công thủ đô Washington DC. của Hoa Kỳ, lấy cơ trả thù việc người Mỹ cướp phá và đốt cháy thủ đô của tỉnh York, ngày nay là Toronto, Canada vào năm trước; 2) đẩy lùi lực lượng lượng quân đội Mỹ ra khỏi hồ Champlain ở bang Albany của New York. S Tucker, J.R. Arnold, R. Weiner, P.G. Pierpaoli, J.C. Fredriksen, *op.cit.*, p. 36.

<sup>61</sup> R. Chapter, *War of 1812 - The Second Revolution*, New York 2012, pp. 20-21.

Tại Baltimore, trận chiến tại Fort McHenry ngày 13 và 14/9 đã đẩy lùi lực lượng của Anh<sup>62</sup>. Trong khi đó, 1.000 lính Anh tấn công nước Mỹ ở phía Bắc từ Montreal. Trận chiến này là nhân tố để kết thúc sự thù địch chiến tranh. Anh lên kế hoạch đánh bại hải quân Hoa Kỳ trên hồ Champlain và sau đó chiếm New York. Tuy nhiên, thuyền trưởng Thomas MacDough đã đánh bại hải quân Anh tại vịnh Plattsburgh vào ngày 11/9/1814 buộc Anh phải rút về Canada<sup>63</sup>. Chính phủ Anh cho rằng, điều tốt nhất ở thời điểm này là kết thúc chiến tranh và muốn có một thỏa thuận với Hoa Kỳ. Hải quân và quân đội của Anh đã quá mệt mỏi sau nhiều năm chiến đấu với Pháp. Mặt khác, giống Hoa Kỳ, Chính phủ Anh cũng hết tiền.

### 3. Thiết lập hòa bình và hệ quả của cuộc chiến

Sau các cuộc tấn công thất bại vào mùa hè năm 1814, Anh đã đề xuất giải pháp hòa bình với người Mỹ. Tổng thống Madison nhanh chóng chấp nhận. Bởi vì, trên thực tế giữa Anh và Hoa Kỳ không còn lý do để tiếp

tục theo đuổi cuộc chiến<sup>64</sup>. Tháng 11/1814, phái đoàn đàm phán của Anh và Hoa Kỳ đã gặp nhau tại Ghent, Bỉ<sup>65</sup>. Phía Anh muốn tạo ra một vùng lãnh thổ của người da đỏ giữa Canada và Hoa Kỳ như là vùng đệm ngăn cản lực lượng của Hoa Kỳ và Anh xảy ra các hành động thù địch. Tuy nhiên, người Mỹ không đồng ý với ý tưởng này với lý do họ đã mua hoặc ký kết vùng đất này với người da đỏ để sống ở đây, rất nhiều người Mỹ đã định cư, lập trang trại ở đây. Do đó, người Mỹ cần vùng đất này. Trước sự khác biệt về quan điểm, người Mỹ cho rằng, vấn đề hòa bình sẽ có nguy cơ tan vỡ. Người Anh cuối cùng đã quyết định xem vấn đề vùng đất của người da đỏ không quan trọng, đồng ý ký hiệp ước Ghent với Hoa Kỳ. Ngày 24/12/1814, Hiệp ước Ghent đã được ký kết, sau đó được Tổng thống Madison phê chuẩn vào ngày 18/2/1815 chấm dứt cuộc chiến năm 1812<sup>66</sup>. Theo Điều I của Hiệp ước, Hoa

<sup>64</sup> Sau khi Anh và Liên minh thứ sáu đánh bại Napoleon năm 1814, Pháp và Anh đã trở thành đồng minh. Anh chấm dứt sự hạn chế thương mại trung lập của Hoa Kỳ và lệnh cưỡng bách tòng quân, vốn là nguyên nhân dẫn đến chiến tranh. Những nguyên nhân chính của cuộc chiến đã biến mất, không bên nào còn lý do để tiếp tục cuộc chiến hay có cơ hội đạt được một thắng lợi quyết định để buộc đối phương thủ phải từ bỏ lãnh thổ, cũng như không có được các điều kiện hòa bình có lợi. J. Black, *America as a military power: from the American Revolution to the Civil War*, Connecticut 2002, p. 69.

<sup>65</sup> M. Beyer, *op.cit.*, pp. 22-26.

<sup>66</sup> Hiệp ước Ghent được Anh phê chuẩn ngày 31/12/1814, đưa ra lấy ý kiến của Quốc hội Hoa Kỳ để phê chuẩn ngày 16/2/1815, chính thức có giá trị bắt đầu từ ngày 17/2/1815. Sau đó vấn đề này được Madison đề cập với Jefferson trong thư riêng. Xem: *Letter of James Madison to Thomas Jefferson, March*

<sup>62</sup> Anh huy động lực lượng khoảng 12 400 quân và khoảng 1.000 thủy thủ và quân ở trên 19 tàu chiến. Trong trận chiến này, Hoa Kỳ có 28 người chết, 163 bị thương, 50 bị bắt làm tù binh. Anh thiệt hại nhiều hơn với 46 người chết, 296 bị thương. S. Tucker, J.R. Arnold, R. Weiner, P.G. Pierpaoli, J.C. Fredriksen, *op.cit.*, pp. 37-38.

<sup>63</sup> Về trận chiến Plattsburgh xem thêm: D.G. Fitz-Enz, *The Final Invasion: Plattsburgh, the War of 1812's Most Decisive Battle*, New York, 1940.

Kỳ và Anh tuyên bố chấm dứt các hành động thù địch, trao trả các lãnh thổ bị chiếm, phục hồi lại hiện trạng biên giới cũ của hai nước trước chiến tranh<sup>67</sup>. Chiến tranh chính thức kết thúc vào tháng 2/1815.

Chiến tranh năm 1812 đã để lại hậu quả trước mắt và lâu dài đối với cả Anh và Hoa Kỳ. Anh tổn thất khoảng 2.700 quân chính quy và lực lượng quân đội các tỉnh, khoảng 10.000 người Anh và Canada. Phía Hoa Kỳ có khoảng 2.260 người tử trận và 4.505 người bị thương. Trong khi khoảng 15.000 người Mỹ bao gồm quân đội chính quy, lực lượng tự vệ, nhân viên hải quân và thường dân chết vì các nguyên nhân trực tiếp liên quan đến chiến tranh. Cuộc chiến này đã làm cho tổng nợ quốc gia của Anh tăng thêm 25 triệu bảng. So với Anh, chi phí chiến tranh của Hoa Kỳ nặng nề hơn, ước tính khoảng 105 triệu bảng. Nợ ngân sách quốc gia tăng từ 45 triệu bảng năm 1812 lên 127 triệu bảng vào cuối năm 1815. Tháng 6/1812 khi chiến tranh nổ ra, tổng nợ ngân sách của Anh là 22,4 triệu bảng, tăng lên 46,8 triệu bảng vào năm 1813, sau đó giảm xuống 40,5 triệu

bảng vào năm 1814 trong chiến tranh với châu Âu<sup>68</sup>.

Nhìn về lịch sử của cuộc chiến tranh 1812 có thể khẳng định rằng, lợi ích trên biển về chính trị, thương mại và tranh chấp lãnh thổ giữa Anh và Hoa Kỳ sau chiến tranh giành độc lập là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh. Mâu thuẫn về lợi ích nói trên đã dẫn đến sự đối kháng trong thực thi chính sách thương mại, sự bùng nổ các biến cố chính trị trên biển giữa hai nước và sự hậu thuẫn của người Anh đối với người Indian. Cuộc chiến đã lôi kéo Hoa Kỳ, Anh và toàn bộ Bắc Mỹ thuộc Anh vào cuộc chiến. Kết quả của cuộc chiến không đem đến chiến thắng riêng cho bên nào, thậm chí còn để lại hậu quả nặng nề đối với cả hai bên. Từ hệ quả của cuộc chiến, Anh và Hoa Kỳ trong gần 10 năm tiếp theo phải tiếp tục theo đuổi quá trình tái thiết mối quan hệ hai nước sau cuộc chiến, điều mà hai nước đã từng phải mất 10 năm để thiết lập sau chiến tranh giành độc lập. Trong khi, người Mỹ tiếp tục chính sách tìm kiếm sự trung thành của người Indian, tạo không gian hòa bình để phát triển xuyên suốt thời kỳ lập quốc.

12. 1815.

[https://www.loc.gov/resource/mjm.17\\_0202\\_0204/?sp=1&st=text](https://www.loc.gov/resource/mjm.17_0202_0204/?sp=1&st=text), truy cập ngày 01/11/2018.

<sup>67</sup> *Treaty of Peace and Amity between His Britannic Majesty and the United States of America*, [http://avalon.law.yale.edu/19th\\_century/ghent.asp](http://avalon.law.yale.edu/19th_century/ghent.asp), truy cập ngày 01/11/2018.

<sup>68</sup> J. C. A. Stagg, *The War of 1812: Conflict for a Continent*, Cambridge 2012, p. 156.